

XÂY DỰNG MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐẾN 2020

Bùi Tất Thắng*

1. Bối cảnh

Trong thời gian gần đây, vấn đề xác định mô hình phát triển kinh tế Việt Nam đến năm 2020 được thảo luận khá sôi nổi trong giới nghiên cứu lẫn các nhà hoạch định chính sách. Bối cảnh chung của các cuộc thảo luận đó là:

- Kinh tế thế giới đã lâm vào khủng hoảng (2008) được xem là tồi tệ nhất kể từ đại suy thoái 1929-1933 đến nay. Dưới tác động của các chính sách ứng phó, điển hình là những gói kích cầu khổng lồ của nhiều Chính phủ và nỗ lực cải tổ, tái cơ cấu các nền kinh tế, đã suy giảm được ngăn chặn và nhiều nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi; song một số nước vẫn đang gặp khó khăn. Ở khắp mọi nơi, người ta đều bàn thảo rất sôi nổi về mô hình tăng trưởng, trong đó có việc xem xét lại những mô hình đã từng giúp cho nhiều nền kinh tế "cất cánh" trong quá khứ, liệu những mô hình này có còn thích hợp hay không? Nếu mô hình tăng trưởng trước đây đã lỗi thời, thì những nguyên tắc nào sẽ làm chỗ dựa cho việc định hình một mô hình tăng trưởng kinh tế của tương lai?

- Kinh tế Việt Nam tuy chịu nhiều ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nhưng vẫn giữ được mức tăng trưởng khá. Vậy liệu có nhất thiết phải tính đến một mô hình tăng trưởng kinh tế mới? Đã có không ít tranh luận cho rằng, đúng là kinh tế Việt Nam vẫn giữ được mức tăng

trưởng khả dĩ và tương đối ổn định, nhưng chất lượng tăng trưởng chưa cao, thiếu bền vững, sức cạnh tranh thấp, nên đang rất cần một "đổi mới II", mà một trong những trọng tâm là *định hình một mô hình tăng trưởng kinh tế mới, nhanh hơn, bền vững hơn*.

2. Yêu cầu phát triển nhanh hơn và bền vững hơn của nền kinh tế Việt Nam

a) *Phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế, yêu cầu mang tính thời đại*

Nhận thức về phát triển nhanh và bền vững nói chung và nền kinh tế nói riêng là một quá trình dài. Năm 1992, Hội nghị thượng đỉnh về Trái Đất họp tại Rio de Janeiro (Braxin) với sự tham gia của đại diện hơn 200 nước và các tổ chức phi chính phủ, đã đưa ra Tuyên ngôn Rio về môi trường và phát triển. Hội nghị đã thống nhất những nguyên tắc cơ bản và phát động một chương trình hành động vì sự phát triển bền vững mang tên *Chương trình Nghị sự 21 (Agenda 21)*.

Từ ngày 6 đến 8 tháng 9 năm 2000, Hội nghị thượng đỉnh Thiên niên kỷ họp tại trụ sở Liên hợp Quốc ở New York với sự tham gia của 149 nguyên thủ quốc gia và những người đứng đầu Chính phủ 180 nước, đã thông qua bản Tuyên ngôn

* Bùi Tất Thắng, Phó giáo sư, Tiến sĩ kinh tế, Viện Chiến lược và Phát triển.

Thiên niên kỷ, được coi như *"những nền tảng thiết yếu cho một thế giới hoà bình, thịnh vượng và công bằng hơn"*. Về phương diện hành động, có thể nói, quan điểm toàn diện về phát triển đã được thừa nhận rộng rãi trên toàn thế giới với dấu mốc lịch sử vô cùng quan trọng đã được ghi trong *Tuyên ngôn Thiên niên kỷ của Liên hợp Quốc*.

Năm 2002, Hội nghị thượng đỉnh Thế giới về Phát triển bền vững tại Johannesburg (Nam Phi) đã nhìn lại những việc làm qua 10 năm theo hướng mà Tuyên ngôn Rio và Chương trình Nghị sự 21 vạch ra, để tiếp tục tiến hành một số mục tiêu ưu tiên. Những mục tiêu này bao gồm xóa nghèo đói, phát triển những sản phẩm tái sinh hoặc thân thiện môi trường nhằm thay thế các sản phẩm gây ô nhiễm, bảo vệ và quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Hội nghị cũng đề cập tới chủ đề toàn cầu hóa gắn với các vấn đề liên quan đến sức khỏe và phát triển... Đại diện của các quốc gia tham gia hội nghị cũng đã cam kết về một chiến lược phát triển bền vững tại mỗi quốc gia trước năm 2005.

b) Phát triển nhanh và bền vững, yêu cầu bức thiết của những nước đi sau

Trong thế giới toàn cầu hóa, nếu không muốn rơi khỏi quỹ đạo phát triển chung của nhân loại, những nước đi sau bắt buộc phải phát triển nhanh và bền vững. Là một trong những nước đi sau, Việt Nam hiện còn nằm ở tốp sau của những nước đi sau, càng thấy rõ hơn tính khẩn thiết của phát triển nhanh và bền vững. Trong bối cảnh của nước chưa phát triển, đang trong quá trình chuyển đổi để hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới, việc nào đối với Việt Nam cũng đang ở trạng thái của "tiến trình" chưa hoàn tất với những mức độ khác nhau. Chính vì vậy, giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030, có một vị trí đặc biệt quan trọng. Bởi đây là

thời kỳ có nhiệm vụ phải giải quyết đồng thời 3 vấn đề liên quan đến cải thiện vị thế của nước chưa phát triển, có hoàn tất được quá trình đổi mới (thể chế) không? và có hội nhập được (thành công) không?

Ở thời điểm khởi đầu chiến lược trong giai đoạn tới, kinh tế Việt Nam đã qua 25 năm đổi mới mở cửa, trong đó có 5 năm gia nhập WTO, hội nhập sâu hơn vào hệ thống kinh tế thế giới và khu vực. Năm 2010, đất nước đã thoát khỏi tình trạng "đang phát triển thu nhập thấp" và chuyển sang trạng thái chất lượng phát triển mới của nước đang phát triển có thu nhập trung bình ở nấc thấp nhất với mức GDP bình quân đầu người khoảng 1.100 USD. Trạng thái chất lượng này tương đương với trình độ hoàn thành bước chuyển từ xã hội nông nghiệp truyền thống, khép kín, tự cấp, tự túc sang xã hội công nghiệp, mở cửa và hội nhập toàn diện vào thế giới và khu vực.

Trong một nền kinh tế, các cân đối vĩ mô giữa sản xuất - tiêu dùng và tích lũy - tiêu dùng thay đổi cơ bản về chất, xã hội vượt qua trình độ "tái sản xuất ra sự nghèo đói" để bước sang trình độ sản xuất mở rộng một cách vững chắc. Đây là một bước chuyển trạng thái mang tính cách mạng sâu sắc. Bước chuyển này tạo cơ sở để nền kinh tế chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ "trọng cung" sang "trọng cầu", kéo theo đó là sự thay đổi căn bản trong tư duy chiến lược của giai đoạn 2011 - 2020.

c) Cơ sở thực tế để phát triển nhanh và bền vững kinh tế Việt Nam

Hiện tượng kinh tế thần kỳ Đông Á, vấn đề rút ra từ NIEs và Trung Quốc

Mặc dù ngày nay, các nước đang phát triển chiếm số đông và không ít nền kinh tế còn phải đương đầu với những khó khăn do tình trạng kém phát triển, đời sống dân cư thấp, nạn đói, mù chữ, bệnh

tật dày vò cuộc sống con người. Tuy nhiên, đã có không ít những tấm gương phát triển kinh tế thần kỳ, nhanh chóng vươn lên đuổi kịp các nước công nghiệp phát triển chỉ trong vòng vài ba thập niên. Điển hình nhất trong số này phải kể đến nhóm NIEs Đông Á (bao gồm: Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông và Singapore) trong những thập niên cuối thế kỷ XX và Trung Quốc hiện đại (từ cải cách mở cửa). Với tốc độ tăng trưởng cao, bình quân khoảng 10%/năm (có những vùng tới 20%/năm) kéo dài liên tục, đã cho phép những nền kinh tế này trở thành các "nền kinh tế CNH mới" (NIEs), và nền kinh tế Trung Quốc đã nhanh chóng vươn lên để có quy mô lớn thứ 3 với dự trữ ngoại tệ đứng đầu thế giới. Đáng lưu ý là, hiện tượng kinh tế "thần kỳ" đều đã diễn ra ở những nước láng giềng Việt Nam. Điều đó cho phép chúng ta phải suy nghĩ, không lẽ láng giềng làm được còn Việt Nam lại không?

Có ý kiến cho rằng, sự phát triển của những nền kinh tế NIEs tuy nhanh, nhưng cũng không tránh được khủng hoảng. Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á bùng nổ cuối năm 1997, Hàn Quốc là một trong những nền kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Những nền kinh tế khác tuy không bị nặng như Hàn Quốc, nhưng cũng gặp không ít khó khăn và tốc độ tăng trưởng kinh tế những năm 1998-2000 bị suy giảm đáng kể. Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính châu Á, cũng đã có ý kiến bình luận mô hình phát triển Đông Á đã "chết", rằng đã đến lúc những nước đang CNH phải đi tìm một mô hình mới để đảm bảo phát triển nhanh và bền vững thích hợp hơn với xu thế toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ. Cũng có thể mô hình phát triển Đông Á đã không còn thích hợp với tình hình mới. Nhưng không phải vì vậy mà phủ nhận ý nghĩa lịch sử của một mô hình phát triển đã giúp một số nước chỉ trong một thời gian ngắn nhất

trong lịch sử phát triển kinh tế, đã chuyển từ tình trạng nước nghèo, kém phát triển để trở thành những nền kinh tế CNH mới (nền kinh tế đã hoàn thành CNH). Ví dụ như Hàn Quốc đã là thành viên của nhóm OECD từ năm 1996. Đúng là khi khủng hoảng tài chính khu vực (1997) và thế giới (2008-2009) nổ ra, các nền kinh tế không thoát khỏi ảnh hưởng. Nhưng trong cuộc chiến chống đỡ khủng hoảng, họ đứng ở vị thế và tư cách của nền kinh tế đã CNH, cách chống đỡ của những nền kinh tế này chắc chắn đã khác hẳn trong vị thế khi còn là những nền kinh tế kém phát triển. Hơn nữa, nói đến nhóm NIEs Đông Á và cách mà họ tiến hành cải cách kinh tế để vượt qua khủng hoảng kinh tế - tài chính khu vực năm 1997-1998, các nhà kinh tế đều không khỏi ngạc nhiên về năng lực và hiệu quả của cải cách.

Sau năm 2000, kinh tế các nước NIEs nhanh chóng lấy lại đà tăng trưởng, không chỉ cao về tốc độ mà còn cải thiện đáng kể về hiệu suất và chất lượng. Dưới tác động rất mạnh của khủng hoảng kinh tế - tài chính khu vực năm 1997-1998, Hàn Quốc đã tiến hành cơ cấu lại nền sản xuất. Nếu giai đoạn 1987-1997, tốc độ tiêu dùng năng lượng bình quân tăng 10,3%/năm và tốc độ tăng GDP đạt 7,7%/năm, nghĩa là độ co giãn giữa mức tăng tiêu dùng năng lượng so với tăng GDP là 1,34 thì ở giai đoạn 1998-2007, tốc độ tăng tiêu dùng năng lượng bình quân đã giảm xuống còn 4,2%/năm và tốc độ tăng GDP đạt 5,6%/năm. Quan hệ co giãn giữa mức tăng tiêu dùng năng lượng so với tăng GDP là 0,75. Một cơ cấu kinh tế tiêu dùng ít năng lượng hơn đã hình thành từ sau khủng hoảng (KNEF, 2008). Cho dù không tránh được ảnh hưởng của khủng hoảng nhưng tấm gương phát triển nhanh và bền vững của những nền kinh tế ở ngay trong khu vực đã là những bằng chứng lịch sử thôi thúc chúng ta vươn lên

manh mẽ.

Cơ sở phát triển nhanh và bền vững của nền kinh tế Việt Nam những năm sắp tới

Các nhà phân tích cho rằng, *kinh tế Việt Nam hiện còn phát triển dưới mức tiềm năng*. Việt Nam hoàn toàn có thể đạt được thành công như những nền kinh tế trong khu vực đã biến thành NIEs xét về khía cạnh phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Theo thống kê chính thức của Nhà nước, Việt Nam là một trong số rất ít nước có tỷ lệ vốn đầu tư/GDP cao nhất thế giới. Những nghiên cứu kinh tế gần đây cho thấy, tỷ lệ đầu tư cao nhưng chỉ đạt được tốc độ tăng trưởng vừa phải, chứng tỏ hiệu suất đầu tư chưa cao. Vì thế, có thể nâng cao hơn nữa tốc độ tăng trưởng mà không cần đưa thêm vốn đầu tư vào nền kinh tế. Luận điểm này càng được củng cố khi so sánh chỉ số ICOR của Việt Nam hiện nay với một số nền kinh tế trong thời kỳ CNH.

Thời cơ dân số vàng ở Việt Nam

Trong lĩnh vực dân số học, "kỷ nguyên dân số vàng" được quan niệm là khi tổng tỷ suất phụ thuộc (số người trong độ tuổi 0-14 cộng với số người từ 65 tuổi trở lên, chia cho số người trong độ tuổi 15-64) ở mức dưới 50%. Theo dự báo, Việt Nam đang bước vào thời kỳ dân số vàng. Thời kỳ này sẽ kéo dài khoảng 30 năm (từ năm 2010 đến khoảng 2040). Sự xuất hiện yếu tố "dân số vàng" có thể xem là một cơ hội tốt đối với tăng trưởng và phát triển một khi phát huy được những ưu thế của nguồn nhân lực. Chắc chắn là, kết cấu dân số vàng cùng với mức thu nhập bình quân đầu người đã đạt trên 1.000 USD và đang tiếp tục gia tăng, sẽ làm bùng nổ mức cầu những mặt hàng tiêu dùng lâu bền hiện đại và các loại dịch vụ đi kèm. Tuy nhiên, yếu tố "kỷ nguyên dân số vàng" cũng có thể trở thành một thách thức xã hội không nhỏ nếu không tạo được nhiều việc làm với

mức năng suất và chất lượng ngày một cao hơn.

Những nhân tố mới xuất hiện khác Kinh tế Việt Nam còn có những yếu tố có thể làm cơ sở thực tế để thực hiện phát triển nhanh và bền vững, được thể hiện ở những mặt dưới đây:

+ Người Việt Nam sau nhiều thập kỷ bị chiến tranh đang xuất hiện khát vọng phát triển, được xem như một yếu tố xã hội thuận lợi đối với sự phát triển của một quốc gia. Chính tâm lý xã hội này sẽ góp phần nuôi dưỡng và tạo môi trường cho sự phát triển của tài nguyên kinh doanh, đó là lực lượng doanh nhân.

+ Chính trị xã hội ổn định là điều kiện tiền đề rất quan trọng để phát triển.

+ Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu với những tác động đến nước ta đã làm bộc lộ yếu kém của chính mình, giúp chúng ta nhìn nhận đúng mình hơn. Nếu có tinh thần thực sự cầu thị và quyết tâm khắc phục, Việt Nam sẽ thiết kế được một mô hình phát triển tốt và tạo được niềm tin trong toàn xã hội.

+ Có khả năng nhiều năm trong thời kỳ 2011-2020 sẽ là những năm phục hồi và tăng trưởng kinh tế thế giới sau cơn khủng hoảng. Và như vậy, thời gian thực hiện chiến lược 2011-2020 cũng là chu kỳ phục hồi và tăng trưởng kinh tế nước ta. Đây sẽ là một thuận lợi để có thể tăng tốc phát triển.

Về những yếu tố bên ngoài

+ Trong xu thế phát triển kinh tế tri thức và sự phổ biến của mạng sản xuất toàn cầu, Việt Nam có cơ hội để thay đổi tư duy phát triển. Theo hướng này, những nước đi sau có thể tập trung vào phát triển một số lĩnh vực sản xuất và dịch vụ công nghệ cao, chủ động tạo ra nguồn nhân lực có kỹ năng để tiếp cận có hiệu quả chiến lược phát triển của các TNCs. Trong điều kiện mới, sự dịch chuyển này là điều kiện quan trọng để Việt Nam tạo

bứt phá phát triển.

+ Xu hướng tự do hóa di chuyển các nguồn lực và dịch chuyển trung tâm phát triển toàn cầu sang khu vực châu Á-Thái Bình Dương giúp Việt Nam cũng như nhiều nước trong vùng có cơ hội trong huy động và tận dụng một khối lượng lớn các nguồn lực chất lượng cao của thế giới để cất cánh phát triển, thực hiện tiến nhanh, tiến nhảy vọt, thu hẹp khoảng cách tụt hậu và tiến tới đuổi kịp thế giới.

+ Sự năng động của hợp tác Đông Á và ASEAN đang tạo cơ hội để Việt Nam phát huy vai trò của một thành viên quan trọng của ASEAN/AFTA, vươn lên tham gia vào nhóm phát triển nhất trong ASEAN. Nhờ đó, chủ động hơn trong các tiến trình hợp tác Đông Á, châu Á-Thái Bình Dương cũng như chuẩn bị điều kiện để xúc tiến các AFTA song phương. Nhờ gắn kết chặt chẽ hơn với các định chế đa phương, Việt Nam sẽ tăng đáng kể sức mạnh thương lượng trong các quan hệ tay đôi, giảm được sức ép cũng như sự áp đặt từ bên ngoài.

+ Trên nền tảng phát triển hiện có, với tư cách thành viên đầy đủ của ASEAN, APEC, WTO, Việt Nam có nhiều cơ hội để chủ động tham gia vào các tiến trình toàn cầu và khu vực theo cách của người đề xuất sáng kiến, tham gia nhiều hơn nữa trong việc soạn thảo luật chơi, nhất là trong tiến trình hợp tác khu vực và tiểu khu vực. Chính vai trò điều phối, thành viên của nhóm hạt nhân trong các chương trình hợp tác khu vực về kinh tế, chính trị và an ninh... sẽ là điều kiện để nâng cao vị thế và khiến cho thế giới thay đổi cách nhìn đối với Việt Nam, giúp tăng cường an toàn phát triển của Việt Nam.

Tóm lại, với đổi mới và mở cửa hội nhập, kết hợp giữa cơ hội phát triển do chính Việt Nam tạo ra cùng với sự hỗ trợ,

thúc đẩy bởi nguồn lực bên ngoài, cộng hưởng thành cơ sở thực tế để thực hiện phát triển nhanh và bền vững trong thời kỳ sắp tới.

3. Quan điểm định hình mô hình phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế Việt Nam thời kỳ đến 2020

Bối cảnh và điều kiện xây dựng mô hình vừa đòi hỏi, vừa cho phép Việt Nam cần và có thể phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế trong thời kỳ từ nay đến năm 2020. Để góp phần thảo luận về việc định hình mô hình kinh tế của thời kỳ này. Theo chúng tôi, cần quán triệt một số quan điểm mang tính nguyên tắc cơ bản sau đây:

a. Phát triển để ổn định và ổn định để phát triển

Khi bàn về quan hệ giữa ổn định và phát triển, xu hướng chung thường nhấn mạnh đến ổn định, coi ổn định là tiền đề cần thiết để phát triển. Điều này hoàn toàn đúng, nhất là trong bối cảnh khởi động tiến trình đổi mới. Khi thành trì tưởng như vĩnh hằng của CNXH là Liên Xô và hệ thống các nước XHCN Đông Âu sụp đổ (cuối thập kỷ 1980), Trung Quốc sau 10 năm cải cách mở cửa xảy ra sự kiện Thiên An Môn (1989), yếu tố đảm bảo ổn định mặc nhiên được ưu tiên để tạo tiền đề cần thiết cho phát triển. Sự ổn định trong quan hệ với phát triển, ở đây, là sự ổn định được hiểu theo nghĩa rộng, toàn diện, bao gồm cả ổn định chính trị, ổn định kinh tế vĩ mô và ổn định xã hội. Tuy nhiên, trên 20 năm đổi mới ở nước ta, bối cảnh quốc tế và trong nước đã có nhiều đổi khác.

Ổn định vẫn là tiền đề cần thiết cho sự phát triển, nhưng mức độ bắt buộc phải ưu tiên như một lẽ sống còn duy nhất thì không giống như thời kỳ khởi động tiến trình đổi mới của những năm 1980 - 1990. Bởi vì, qua những biến cố

thăng trầm của đổi mới và mở cửa, mọi người đã hiểu hơn bản chất của cơ chế KHH tập trung và cơ chế thị trường (trong sự so sánh bằng trải nghiệm thực tiễn). Người dân và các doanh nghiệp đã có kinh nghiệm hơn trước những biến động của thị trường. Do sự phát triển của mạng lưới thông tin và mở cửa, hội nhập, mọi người hiểu hơn thế giới bên ngoài. Vì vậy, sự tôi luyện trong cơ chế mới giúp con người có bản lĩnh hơn, trưởng thành hơn, ít bị hoang mang dao động hơn nhiều so với thời kỳ đầu đổi mới. Trong bối cảnh ấy, nhu cầu phát triển, vươn lên "sánh vai các cường quốc năm châu", khẳng định đẳng cấp trong thế giới vừa hợp tác vừa cạnh tranh đã trở thành tâm lý phát triển chung của đại đa số nhân dân.

Chúng ta không xem nhẹ ổn định, nhưng ổn định chỉ được giữ vững và làm được tiền đề cần thiết trong quan hệ biện chứng với phát triển; ổn định nhờ phát triển, thông qua phát triển và trong sự phát triển. Những nhân tố đòi hỏi phải phát triển nhanh mới giữ được ổn định đang ngày càng tăng lên. Đổi mới mà người dân không thấy được cuộc sống của họ được cải thiện thì sức hấp dẫn của đổi mới sẽ suy giảm. Trong giai đoạn đầu đổi mới, từ thiếu đói sang có ăn có mặc, mọi người cảm nhận được ngay tác động tích cực của đổi mới. Một thế hệ người (sau 20 năm) sinh ra trong đổi mới, không từng nếm trải đói ăn, thiếu mặc, nhưng không cảm thấy cuộc sống thay đổi theo hướng đi lên, họ không cảm thấy tính thiết thân của đổi mới. Hơn nữa, do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, một bộ phận dân cư trước đây làm nông nghiệp, đã cải thiện được cuộc sống và ổn định nhờ việc làm trong nông nghiệp, nay không còn đất (do chuyển đổi đất nông nghiệp sang lĩnh vực khác), không có việc làm, không cải thiện được cuộc sống, tâm lý bất ổn phát sinh. Vì vậy, phải

phát triển nhanh mới tạo ra được nhiều cơ hội việc làm cho nhiều người và vì thế mới ổn định được.

Gần đây, trước tình hình kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, những phân tích tình hình tăng trưởng kinh tế trong nước cho thấy, tăng trưởng kinh tế nước ta còn dựa nhiều vào mức độ gia tăng các nguồn lực (phát triển theo chiều rộng). Một số nhận xét cho rằng, cần phải nhấn mạnh chất lượng tăng trưởng; trong giai đoạn sắp tới, nên ưu tiên chất lượng hơn là tăng tốc tốc độ tăng trưởng. Thật ra, nếu không đảm bảo phát triển có hiệu suất, thì cũng không thể đảm bảo được tốc độ tăng trưởng cao một cách bền vững.

Trước yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thời kỳ 2011- 2020, từ những dự báo kinh tế thế giới bước vào thời kỳ toàn cầu hóa sâu, rộng, kinh tế tri thức hình thành và phát triển, tương quan lực lượng kinh tế và chính trị thế giới có nhiều thay đổi, diễn biến kinh tế và chính trị có nhiều tình huống phức tạp, khó lường. Trong khi nền kinh tế Việt Nam mới qua ngưỡng nghèo, đang bước vào thời kỳ của nước có mức thu nhập trung bình vừa có cơ hội để trở thành nước công nghiệp phát triển, lại vừa có nguy cơ rủi ro rơi vào "bẫy của nước có mức thu nhập trung bình", luẩn quẩn ở trình độ "thu nhập trung bình", không vượt lên thành nước công nghiệp phát triển được. Cả tình huống bên trong lẫn bên ngoài đang đặt ra những yêu cầu đặc biệt, rất hệ trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Tính chất "phát triển" của thời kỳ chiến lược này trở nên rất rõ ràng, khác hẳn với chiến lược "vượt qua khủng hoảng", vẫn còn đậm nét tình thế "cứu nguy" của thời kỳ chiến lược 1991-2000; rất khác với chiến lược "tạo tiền đề" để cho sự phát triển trong giai đoạn 2001-2010. Thời kỳ chiến lược 2011-2020 mang đậm nét "phát triển" hàm ý

mang tính "được - thua" trong cuộc tranh đua phát triển cùng thời đại, cùng các "cường quốc 5 châu" để quyết định rút ngắn khoảng cách phát triển so với các nước đi trước để, có thể "hóa rồng", đã trở thành nhiệm vụ khách quan, mang tính lịch sử.

Như vậy, trong giai đoạn mới, vẫn phải khẳng định nguyên lý ổn định để phát triển, nhưng cách nhìn về ổn định phải có sự thay đổi. Đó là ổn định nhờ vào phát triển, thông qua phát triển và trong sự phát triển. Tính bền vững của tăng trưởng nhanh nằm trong nguyên lý quan trọng này.

b. Phát triển cùng thời đại, theo kịp bước tiến của thời đại

Trong lịch sử phát triển, thế giới đã

từng chứng kiến rất nhiều mô hình kinh tế. Giới nghiên cứu đã đưa ra những số liệu cho thấy, trong suốt 2000 năm kể từ đầu Công lịch đến nay, kinh tế thế giới về cơ bản đã trải qua 3 dấu mốc quan trọng xét về tốc độ tăng trưởng. Đó là: Giai đoạn khởi đầu kéo dài 1000 năm (0-1000), kinh tế thế giới tăng trưởng không đáng kể, bình quân khoảng 0,01%/năm. Giai đoạn II: 820 năm (từ năm 1000 đến 1820), tăng trưởng bình quân đạt 0,22%/năm, cao hơn bình quân của 1000 năm trước tới 22 lần, song vẫn còn rất thấp. Giai đoạn III: từ năm 1820 đến năm 1998 (178 năm), mức tăng trưởng bình quân lên 2,21%/năm, cao hơn bình quân của 820 năm trước 10 lần, và gấp 221 lần so với bình quân của 1000 năm đầu). (Xem bảng 1)

Bảng 1. GDP, tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu và các vùng chủ yếu (0-1998 A.D)

	0	1000	1820	1998	0-1000	1000-1820	1820-1998
tỷ USD quốc tế năm 1990				(tốc độ tăng trưởng bình quân năm)			
Tây Âu	11,1	10,2	163,7	6.961,0	-0,01	0,34	2,13
Western Offshotts (Mỹ, Canada, Úc và Newsealand)	0,5	0,8	13,5	8.456,0	0,05	0,35	3,68
Nhật	1,23,2	20,7	2.582,0	0,10	0,23	2,75	
<i>Tổng nhóm A</i>	<i>12,8</i>	<i>14,1</i>	<i>198,0</i>	<i>17.998,0</i>	<i>0,01</i>	<i>0,32</i>	<i>2,57</i>
Châu Mỹ La tinh	2,2	4,6	14,1	2.942,0	0,07	0,14	3,05
Đông Âu và Liên bang Xô Viết cũ	3,5	5,4	60,9	1.793,0	0,05	0,29	1,92
Châu Á (Không kể Nhật Bản)	77,0	78,9	390,5	9.953,0	0,00	0,20	1,84
Châu Phi	7,013,7	31,0	1.039,0	0,07	0,10	1,99	
<i>Tổng nhóm B</i>	<i>89,7</i>	<i>102,7</i>	<i>496,5</i>	<i>15.727,0</i>	<i>0,01</i>	<i>0,19</i>	<i>1,96</i>
Thế giới	102,5	116,8	694,4	33.726,0	0,01	0,22	2,21

Nguồn: Appendix B; Angus Maddison: The World economy: Amillennial Perspective (OECD 2001), p28.

Phân tích số liệu bảng 1 cho thấy, kinh tế thế giới mới phát triển khoảng 190 năm gần đây. So với lịch sử 5000 năm của nhân loại thì sự phát triển kinh tế nhanh chóng dường như vừa mới bắt đầu. Trong 2 thế kỷ qua, đặc biệt từ giữa thế kỷ XX đến nay, kinh tế thế giới vừa phát triển nhanh, vừa kiểm chứng nhiều loại mô hình kinh tế khác nhau. Sự sàng lọc của thực tế đã làm nổi bật tính hợp lý, hiệu quả của kinh tế thị trường. Có một số mô hình (biến thể), nhưng về cơ bản đều thuộc hai loại điển hình: kinh tế thị trường tự do (Mỹ) và kinh tế thị trường xã hội (một số nước Tây và Bắc Âu: Đức, Thụy Điển...). Mặc dù có sự khác biệt, song, những nền kinh tế thị trường phát triển nhất ngày nay (gồm 30 nước là thành viên của Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế - Organisation for Economic Co-operation and Development - OECD), đều có chung đặc điểm cơ bản là mọi hoạt động tuân thủ theo nguyên tắc thị trường.

Một nhóm nước chậm phát triển nhờ tăng tốc đã trở thành NIEs chỉ trong thời gian khoảng 3-4 thập kỷ, có nước đã gia nhập OECD (Hàn Quốc). Tuy không hoàn toàn dập theo khuôn mẫu của các nước đi trước nhưng các nước NIEs đều là những nền kinh tế thị trường. Nguyên tắc ấy đã tạo ra các nước công nghiệp phát triển và đang dẫn dắt kinh tế thế giới bước vào kỷ nguyên kinh tế tri thức.

Trong nghiên cứu các mô hình kinh tế, vấn đề đặt ra là, vì sao có nhiều nước đi theo mô hình kinh tế thị trường, nhưng chỉ một số ít nước thành công? Câu trả lời là ở tính hiệu quả của mỗi mô hình kinh tế thị trường được chọn lựa và theo đuổi. Tổng kết kinh nghiệm phát triển kinh tế của các nước OECD và những nền kinh tế mới CNH cho thấy, các mô hình kinh tế thị trường cụ thể dù có khác nhau ở điểm này điểm khác, nhưng để có hiệu quả, đều mang những đặc điểm chung, cơ bản, đó là:

- Có tính cạnh tranh cao
- Bình đẳng trong tiếp cận gia nhập thị trường
- Can thiệp Chính phủ hợp lý; luật pháp (kinh tế) rõ ràng, minh bạch và có hiệu lực.

Mỗi đặc điểm chung nêu trên đều hàm chứa nhiều nội dung, đã được các công trình nghiên cứu phân tích sâu sắc cả về khía cạnh học thuật lẫn thực tiễn. Những nền kinh tế chậm phát triển ngày nay có thể dựa vào đó để lựa chọn hoặc sáng tạo ra các mô hình phát triển kinh tế phù hợp. Với họ, nếu có "lợi thế của người đi sau" thì lợi thế ấy chính là khả năng học hỏi và bắt chước (có sáng tạo) cái hay, đồng thời có cơ hội tránh được cái sai của người đi trước. Thực tế phát triển kinh tế thế giới nói chung và các nền kinh tế OECD và NIEs nói riêng cho thấy, những nước kinh tế thị trường phát triển nhất thế giới ngày nay không phải không có thất bại (không hiệu quả hoặc suy thoái), thậm chí còn rất nặng nề, nhưng việc họ trở thành OECD và NIEs đã chứng tỏ, không phải mô hình tổng quát mà họ theo đuổi bị thất bại, mà chỉ thất bại mỗi khi nền kinh tế ấy không đảm bảo được 3 đặc điểm chung đã nêu ra...

Mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta tuy còn nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, nhưng nguyên tắc thị trường trong hoạt động kinh tế cần được khẳng định như một trong những kết luận lý luận đã được thực tiễn kiểm định. Vì vậy, về mặt ý thức hệ, chúng ta có đủ căn cứ để giương cao ngọn cờ CNXH nhưng không vì thế mà không sử dụng những tri thức mang tính công cụ mà loài người đã mất bao công sức của nhiều thế hệ mới tích lũy được. Phát triển cùng thời đại là theo kịp bước tiến của thời đại về tư duy, về tri thức, là tiếp thu được tinh hoa văn hóa tri thức của

nhân loại, đồng thời đóng góp tri thức, văn hóa Việt Nam vào sự phát triển văn minh nhân loại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Amartya Sen (2002), *Phát triển là quyền tự do*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- Angus Maddison (2001), *The World economy: Amillennial Perspective*, (OECD 2001).
- Bruno Amoroso (2001), *On Globalization - Capitalism in the 21st Century*, Roskilde, Denmark.
- Oxfam International (1997), *Tăng trưởng với công bằng*, Chương trình thảo luận về chủ đề xoá đói giảm nghèo tháng 9/1997.
- Michael P.Todaro (1998), *Kinh tế học cho thế giới thứ ba*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Mark Shousen (2007), *The Big Three in Economics*. M.E. Sharpe, Armonk, New York. London, England 2007.
- *Phát triển con người - Từ quan niệm đến chiến lược và hành động*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999.
- Korea Nuclear Energy Foundation - KNEF, 2008.
- + Harvard University - John F. Kennedy

School Government -

- + Chương trình châu Á: Lựa chọn Thành công Bài học từ Đông Á và Đông Nam Á cho tương lai của Việt Nam - Một khuôn khổ chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho Việt Nam trong giai đoạn 2011 - 2020.
- Bùi Thế Cường, "Kỷ nguyên dân số vàng ở Việt Nam: một đại lượng trong bài toán phát triển?"
- Hội thảo "Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế", Viện Chiến lược phát triển Hà Nội, 24/6/2004.
- Shu Yongqing (2002), "Xã hội loài người đi về đâu? Hồi cố và bình luận về thế kỷ XX", Viện Thông tin khoa học xã hội, Số TN 2002 - 76 & 77, Hà Nội 2002.
- Bùi Tất Thắng (2006), *Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Trần Văn Thọ (1997), "Công nghiệp hoá Việt Nam trong thời đại châu Á - Thái Bình Dương", *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, VAPEC, 1997.
- Trần Văn Thọ (2008), "Từ cải cách tiệm tiến đến xây dựng cơ chế chất lượng cao", Hội thảo Nha Trang, tháng 7/2008.